

**BỘ CÔNG AN
BỆNH VIỆN 30-4**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 1119/BV-VTTBYT

V/v mời chào giá hóa chất, vật tư y tế
phục vụ công tác khám sức khỏe cán bộ
cao cấp đợt 1 năm 2025.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp hóa chất, vật tư y tế.

Hiện tại, Bệnh viện 30-4 triển khai mua hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác chuyên môn.

Bệnh viện 30-4 mời Quý công ty, quý nhà thầu quan tâm cung cấp báo giá và các tài liệu liên quan theo các nội dung sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện 30-4 .
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Bệnh viện 30-4.
 - Địa chỉ: Số 9 Sư Vạn Hạnh, phường 9, quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
 - Người liên hệ: Lê Thị Thu Hà, số điện thoại: 0987609899.
3. Các thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Bệnh viện 30-4 (02 bản cứng).
 - Nhận qua địa chỉ Email: Quý công ty gửi file excel và bản scan có đóng dấu theo mẫu đính kèm đến email: Hoachatxn.bv304@gmail.com
4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 09/5/2025 đến trước 08h ngày 13/5/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá.

1. Danh mục đề nghị báo giá:
 - Báo giá theo danh mục trong **Phụ lục** đính kèm.
2. Hiệu lực báo giá: Tối đa 90 ngày kể từ ngày chào giá.
3. Các thông tin nhà thầu cần nộp gồm:
 - Biểu mẫu chào giá theo mẫu đính kèm.
 - Thư xác nhận ủy quyền, nhà phân phối (nếu có).
 - Hồ sơ kỹ thuật sản phẩm gồm catalogue.

- Quyết định trúng thầu, Hợp đồng đã ký mặt hàng mà công ty cung ứng (nếu có)

- Giấy đăng ký hoạt động kinh doanh: Yêu cầu có ngành nghề kinh doanh đáp ứng các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm mà Bệnh viện đang yêu cầu.

- Cam kết của nhà thầu:

+ Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

+ Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

+ Đến thời điểm nộp hồ sơ năng lực, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.

+ Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý công ty. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc (để b/cáo);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Thượng tá Nguyễn Trung Cang



(Đính kèm Công văn số 1119/BV-ITTBYT ngày 09/5/2025)

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật (tham khảo)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hóa chất định lượng Creatinin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine; dải đo: ≤ 5 đến ≥ 2200 $\mu\text{mol/L}$. Thành phần: Natri hydroxide; Axit picric. Tương thích với hệ thống máy AU680 tại Bệnh viện 30-4.	(4x51ml+4x51ml)/Hộp	Hộp	5
2	Hóa chất định lượng Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose ; Huyết thanh/ huyết tương/ mẫu ly giải/ dịch não tủy: ≤ 0.6 đến ≥ 45 mmol/L, Nước tiểu: 0 đến ≥ 45 mmol/L. Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6), ATP, Hexokinase, G6P-DH. Tương thích với hệ thống máy AU680 tại Bệnh viện 30-4.	(4x53ml+4x27ml)/Hộp	Hộp	1
3	Hóa chất định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol ; Dải đo: ≤ 0.05 đến ≥ 4.65 mmol/L. Thành phần: Kháng thể kháng β -lipoprotein ở người nồng độ thay đổi; Cholesterol esterase (CHE); Cholesterol oxidase (CHO); Peroxidase (POD); Ascorbate Oxidase; F-DAOS; 4-Aminoantipyrine. Tương thích với hệ thống máy AU680 tại Bệnh viện 30-4.	(4x27ml+4x9ml)/Hộp	Hộp	8
4	Hóa chất định lượng Triglycerid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride; dải đo: từ ≤ 0.1 đến ≥ 11.3 mmol/L. Thành phần: 4-Aminoantipyrine; Lipases; Glycerol kinase; Peroxidase; Ascorbate oxidase; Glycerol-3-phosphate oxidase. Tương thích với hệ thống máy AU680 tại Bệnh viện 30-4.	(4x50ml+4x12.5ml)/Hộp	Hộp	3
5	Hóa chất định lượng Ure	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen; dải đo: ≤ 0.8 đến ≥ 50 mmol/L. Thành phần: NADH ≥ 0.26 mmol/L; 2-Oxoglutarate ≥ 9.8 mmol/L ; Urease ≥ 17.76 kU/L. Tương thích với hệ thống máy AU680 tại Bệnh viện 30-4.	(4x53ml+4x53ml)/Hộp	Hộp	1

lưu

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật (tham khảo)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
6	Hóa chất đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT; dải đo: ≤ 5 đến ≥ 1200 U/L. Thành phần: Glycylglycine pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L; L- γ - glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L. Tương thích với hệ thống máy AU680 tại Bệnh viện 30-4.	(4x40ml+4x40ml)/Hộp	Hộp	1
7	Chất kiểm chuẩn dùng trên máy phân tích huyết học	Hóa chất kiểm soát chất lượng huyết học được sử dụng để giám sát hiệu năng của máy phân tích huyết học. Thành phần tối thiểu: gồm 3 mức nồng độ. Mỗi mức bao gồm hồng cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương, thành phần có kích thước tiểu cầu và hồng cầu cố định để mô phỏng các tế bào bạch cầu và các tế bào hồng cầu có nhân. Độ ổn định sau mở nắp: ≥ 16 ngày Bảo quản: 2 đến 8 độ C. - Tương thích với hệ thống máy Unicel DxH 600 tại Bệnh viện 30- 4.	(4x3.5mL Level I 4x3.5mL Level II 4x3.5mL Level III)/hộp	Hộp	1
8	Hóa chất dung dịch dùng để súc rửa trên hệ thống phân tích đông máu tự động	Dung dịch sử dụng để làm sạch hệ thống máy đông máu tự động bằng phương pháp đo quang có khả năng phát hiện các yếu tố tiền phân tích, bao gồm (tán huyết, mẫu vàng, mẫu đục, thể tích mẫu và cục đông vi thể) Thành phần: tối thiểu chứa 2-Methyl-4-isothiazolin-3-one hydrochloride ≤ 0.005 %. Bảo quản: ở 15 đến 25 độ C. - Tương thích với hệ thống máy ACL TOP tại Bệnh viện 30-4.	Bình (1 x 4000 mL)	Bình	3
9	Chất chuẩn điện giải mức giữa	Chất chuẩn chuẩn điện giải giải mức trung bình. - Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: $\text{Na}^+ \leq 4.3$ mmol/L; $\text{K}^+ \leq 0.13$ mmol/L; $\text{Cl}^- \leq 3.1$ mmol/L; - Phù hợp với hóa chất điện giải ISE - Tương thích với hệ thống máy AU680 tại Bệnh viện 30-4	Hộp (4x2000ml)	Hộp	1

6/4

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật (tham khảo)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
10	Dung dịch đệm ISE	Hóa chất đệm điện giải. Thành phần tối thiểu gồm Triethanolamine Tương thích với hệ thống máy AU680 tại Bệnh viện 30-4	Hộp (4x2000ml)	Hộp	1
11	Dung dịch rửa máy	Thành phần: Muối đệm Tris, chất hoạt động bề mặt, < 0.1% natri azide	10L/Hộp	Hộp	5
12	Giếng phản ứng dùng cho máy	Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 MI	(16x98 cái)/hộp	Hộp	15
13	Chất chuẩn CA 15-3	S0: Đệm albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azide và 0,5%, ProClin 300. S1, S2, S3, S4, S5: Kháng nguyên CA 15-3 ở nồng độ (tương ứng) xấp xỉ 10, 50, 100, 500 và 1000 U/mL, đệm albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azide và 0,5% ProClin 300.	(6x1.5mL)/hộp	Hộp	1
14	Định lượng CEA	Dải báo cáo: 0.1-1000 ng/mL; Phương Pháp: xét nghiệm miễn dịch enzym hai vị trí “sandwich” (two-site immunoenzymatic “sandwich” assay); Thành Phần: R1a: Pha rắn: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng CEA, đệm TRIS, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azide và 0,1% ProClin 300. R1b: Dung dịch pha loãng: Đệm phosphat, protein (bò, chuột), < 0,1% natri azide và 0,1% ProClin 300. R1c: Chất cộng hợp: Kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng CEA gắn phosphatase kiềm (bò), đệm phosphat, protein (bò), < 0,1% natri azide và 0,1% ProClin 300.	(2x50test)/hộp	Hộp	5

ky

STT	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật (tham khảo)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
15	Định lượng Hybritech Free PSA	Phạm vi phân tích: 0,005–20 ng/mL (hiệu chuẩn Hybritech) hoặc 0,005–16 ng/mL (hiệu chuẩn WHO) Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng dê ở lửa, kháng thể kháng biotin ở dê và kháng thể kháng PSA đơn dòng ở chuột được gắn biotin trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiểm kháng PSA tự do đơn dòng ở chuột (bò) được pha loãng trong dung dịch muối đệm photphat, có chất hoạt động bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300.	(2x50test)/hộp	Hộp	3